

Đơn vị: Trường THPT Trần Phú  
Bộ phận:.....  
Mã đơn vị SDNS: 1042466

NGÀY CÔNG NQ08 QUÝ 1 NĂM 2025

Mức lương cơ sở 2,340,000

| STT | Họ và tên             | Cấp bậc, chức vụ | Lương hệ số |                  |                    |        |               | Số ngày làm việc<br>T1( 23 ngày) | Số ngày làm việc<br>T2( 20 ngày) | Số ngày làm việc<br>T3( 21 ngày) | Hệ số | Ghi chú |
|-----|-----------------------|------------------|-------------|------------------|--------------------|--------|---------------|----------------------------------|----------------------------------|----------------------------------|-------|---------|
|     |                       |                  | Hệ số lương | Hệ số PC chức vụ | Hệ số phụ cấp khác |        | Tổng HS lương |                                  |                                  |                                  |       |         |
|     |                       |                  |             |                  | TNVK               |        |               |                                  |                                  |                                  |       |         |
| 1   | 2                     | 3                | 4           | 5                | 6                  | 7      | 10            | 11                               | 12                               |                                  |       | 23      |
| 1   | Nguyễn Đức Chính      | HT               | 5.02        | 0.7              |                    | 0      | 5.7200        | 23                               | 20                               | 21                               | 1.5   |         |
| 2   | Hoàng Thị Thắm        | P.HT             | 4.34        | 0.55             |                    |        | 4.8900        | 23                               | 20                               | 21                               | 1.5   |         |
| 3   | Nguyễn Tuyết Trinh    | P.HT             | 4.98        | 0.55             | 14%                | 0.6972 | 6.2272        | 23                               | 20                               | 21                               | 1.5   |         |
| 4   | Trần Thị Dũ           | P.HT             | 4.98        | 0.55             |                    |        | 5.5300        | 23                               | 20                               | 21                               | 1.5   |         |
| 5   | Nguyễn Văn Tường      |                  | 4.98        |                  | 16%                | 0.7968 | 5.7768        | 23                               | 20                               | 21                               | 1.5   |         |
| 6   | Nguyễn Cao Đức        |                  | 4.98        |                  | 13%                | 0.6474 | 5.6274        | 23                               | 20                               | 21                               | 1.5   |         |
| 7   | Nguyễn Khắc Thành     |                  | 4.98        |                  | 13%                | 0.6474 | 5.6274        | 23                               | 20                               | 21                               | 1.5   | NL T1   |
| 8   | Đoàn Thị Như Hương    |                  | 4.98        |                  | 12%                | 0.5976 | 5.5776        | 23                               | 20                               | 21                               | 1.5   |         |
| 9   | Phạm Thị Quỳnh Giao   |                  | 4.98        |                  | 12%                | 0.5976 | 5.5776        | 23                               | 20                               | 21                               | 1.5   |         |
| 10  | Phan Thanh Tiếng      |                  | 4.98        |                  | 12%                | 0.5976 | 5.5776        | 23                               | 20                               | 21                               | 1.5   |         |
| 11  | Trần Thanh Công       |                  | 4.98        |                  | 12%                | 0.5976 | 5.5776        | 23                               | 20                               | 21                               | 1.5   |         |
| 12  | Trần Thị Kim Bắc      | TT               | 4.98        | 0.25             | 12%                | 0.5976 | 5.8276        | 23                               | 20                               | 21                               | 1.5   |         |
| 13  | Phạm Thị Thanh An     | TT               | 4.98        | 0.25             | 12%                | 0.5976 | 5.8276        | 23                               | 20                               | 21                               | 1.5   |         |
| 14  | Nguyễn Thị Thùy Trang |                  | 4.98        |                  | 12%                | 0.5976 | 5.5776        | 23                               | 20                               | 21                               | 1.5   |         |
| 15  | Hoàng Thị Mỹ Hiếu     | TT               | 4.98        | 0.25             | 12%                | 0.5976 | 5.8276        | 23                               | 20                               | 21                               | 1.5   |         |
| 16  | Đoàn Văn Bay          |                  | 4.98        |                  | 10%                | 0.498  | 5.4780        | 23                               | 20                               |                                  | 1.5   | NL T3   |
| 16  | Đoàn Văn Bay          |                  | 4.98        |                  | 11%                | 0.5478 | 5.5278        |                                  |                                  | 21                               | 1.5   | NL T3   |
| 17  | Phan Thị Thanh Sơn    |                  | 4.98        |                  | 10%                | 0.498  | 5.4780        | 23                               | 20                               | 21                               | 1.5   |         |
| 18  | Nguyễn Văn Minh       |                  | 4.98        |                  | 9%                 | 0.4482 | 5.4282        | 23                               | 20                               | 21                               | 1.5   |         |
| 19  | Hồ Văn Trung          | TT               | 4.98        | 0.25             | 9%                 | 0.4482 | 5.6782        | 23                               |                                  |                                  | 1.5   | NLT2    |
| 19  | Hồ Văn Trung          | TT               | 4.98        | 0.25             | 9%                 | 0.4482 | 5.6782        |                                  | 20                               | 21                               | 1.5   | NLT2    |
| 20  | Đặng Thị Thủy         |                  | 4.98        |                  | 8%                 | 0.3984 | 5.3784        | 23                               | 20                               | 21                               | 1.5   |         |
| 21  | Bùi Kim Thu           |                  | 4.98        |                  | 9%                 | 0.4482 | 5.4282        | 23                               | 20                               | 21                               | 1.5   |         |
| 22  | Nguyễn Hồng Ân        |                  | 4.98        |                  | 8%                 | 0.3984 | 5.3784        | 23                               | 20                               | 20                               | 1.5   | NL T1   |
| 23  | Nguyễn Chánh          |                  | 4.98        |                  | 8%                 | 0.3984 | 5.3784        | 23                               | 20                               |                                  | 1.5   | NL T3   |
| 23  | Nguyễn Chánh          |                  | 4.98        |                  | 8%                 | 0.3984 | 5.3784        |                                  |                                  | 21                               | 1.5   | NL T3   |
| 24  | Dương Quang Kỳ        |                  | 4.98        |                  | 8%                 | 0.3984 | 5.3784        | 23                               | 20                               |                                  | 1.5   | NL T3   |
| 24  | Dương Quang Kỳ        |                  | 4.98        |                  | 8%                 | 0.3984 | 5.3784        |                                  |                                  | 21                               | 1.5   | NL T3   |
| 25  | Nguyễn Thị Bích Diệp  |                  | 4.98        |                  | 7%                 | 0.3486 | 5.3286        | 23                               | 20                               | 21                               | 1.5   |         |

Nghỉ 03/3 bận việc nhà

| STT | Họ và tên               | Cấp bậc,<br>chức vụ | Lương hệ số    |                     |                    |        |                  | Số ngày làm việc<br>T1( 23 ngày) | Số ngày làm việc<br>T2( 20 ngày) | Số ngày làm việc<br>T3( 21 ngày) | Hệ số | Ghi chú |
|-----|-------------------------|---------------------|----------------|---------------------|--------------------|--------|------------------|----------------------------------|----------------------------------|----------------------------------|-------|---------|
|     |                         |                     | Hệ số<br>lương | Hệ số PC<br>chức vụ | Hệ số phụ cấp khác |        | Tổng HS<br>lương |                                  |                                  |                                  |       |         |
|     |                         |                     |                |                     | TNVK               |        |                  |                                  |                                  |                                  |       |         |
| 26  | Vũ Thị Thúy Quỳnh       |                     | 4.98           |                     | 7%                 | 0.3486 | 5.3286           | 23                               | 20                               | 21                               | 1.5   |         |
| 27  | Nguyễn Thị Ngọc Loan    |                     | 4.98           |                     | 8%                 | 0.3984 | 5.3784           | 23                               | 20                               | 21                               | 1.5   |         |
| 28  | Hồ Cao Phi              |                     | 4.98           | 0                   | 7%                 | 0.3486 | 5.3286           | 23                               | 20                               | 21                               | 1.5   |         |
| 29  | Bùi Phương Thùy         |                     | 4.98           |                     | 7%                 | 0.3486 | 5.3286           | 23                               | 20                               | 21                               | 1.5   |         |
| 30  | Hồ Thị Bích Nga         |                     | 4.98           |                     | 7%                 | 0.3486 | 5.3286           | 23                               | 20                               | 21                               | 1.5   |         |
| 31  | Lê Thị Xuân Phúc        |                     | 4.98           |                     | 7%                 | 0.3486 | 5.3286           | 23                               | 20                               | 21                               | 1.5   |         |
| 32  | Phạm Thị Thủy Loan      |                     | 4.98           |                     | 7%                 | 0.3486 | 5.3286           | 23                               | 20                               | 21                               | 1.5   |         |
| 33  | Hồ Thị Thu Hồng         | TT                  | 4.98           | 0.25                | 6%                 | 0.2988 | 5.5288           | 23                               | 20                               | 21                               | 1.5   |         |
| 34  | Lê Thị Tuyết Lan        | TT                  | 4.98           | 0.25                | 6%                 | 0.2988 | 5.5288           | 23                               | 20                               | 21                               | 1.5   |         |
| 35  | Bành Thị Thu Cúc        | TT                  | 4.98           | 0.25                | 6%                 | 0.2988 | 5.5288           | 23                               | 20                               | 21                               | 1.5   |         |
| 36  | Nguyễn Thị Ngọc Diễm    |                     | 4.98           |                     | 6%                 | 0.2988 | 5.2788           | 23                               | 20                               | 21                               | 1.5   |         |
| 37  | Trần Thị Tú Phương      |                     | 4.98           |                     | 6%                 | 0.2988 | 5.2788           | 23                               | 20                               | 21                               | 1.5   |         |
| 38  | Võ Thị Kiêm Trúc        |                     | 4.98           |                     | 6%                 | 0.2988 | 5.2788           | 23                               | 20                               | 21                               | 1.5   | NL T1   |
| 39  | Nguyễn Anh Thư          | TP                  | 4.98           | 0.15                | 5%                 | 0.249  | 5.3790           | 23                               | 19                               |                                  | 1.5   | NL T3   |
| 39  | Nguyễn Anh Thư          | TP                  | 4.98           | 0.15                | 5%                 | 0.249  | 5.3790           |                                  |                                  | 21                               | 1.5   | NL T3   |
| 40  | Cao Cát Phiến An        |                     | 4.98           |                     | 6%                 | 0.2988 | 5.2788           | 23                               |                                  |                                  | 1.5   | NL T2   |
| 40  | Cao Cát Phiến An        |                     | 4.98           |                     | 6%                 | 0.2988 | 5.2788           |                                  | 20                               | 21                               | 1.5   | NL T2   |
| 41  | Võ Thị Thanh Thảo       |                     | 4.98           |                     | 5%                 | 0.249  | 5.2290           | 23                               | 20                               | 21                               | 1.5   |         |
| 42  | Nguyễn Thị Tuyết Sâm    |                     | 4.98           |                     | 5%                 | 0.249  | 5.2290           | 23                               | 20                               | 21                               | 1.5   |         |
| 43  | Nguyễn Thị Ngọc Yến     |                     | 4.98           |                     | 5%                 | 0.249  | 5.2290           | 23                               | 20                               | 21                               | 1.5   |         |
| 44  | Tạ Thị Minh Tuyền       |                     | 4.98           |                     | 5%                 | 0.249  | 5.2290           | 23                               | 20                               | 21                               | 1.5   |         |
| 45  | Hồ Kim Phụng            |                     | 4.98           |                     |                    |        | 4.9800           | 23                               | 20                               | 21                               | 1.5   |         |
| 46  | Võ Thiên Tuyền          |                     | 4.98           |                     | 5%                 | 0.249  | 5.2290           | 23                               | 20                               | 21                               | 1.5   | NL T1   |
| 47  | Tô Thanh Hòa            |                     | 4.98           |                     |                    |        | 4.9800           | 23                               | 20                               | 21                               | 1.5   |         |
| 48  | Tổng Đức Huy            |                     | 4.98           |                     |                    |        | 4.9800           | 23                               | 20                               | 21                               | 1.5   |         |
| 49  | Hoàng Thị Hương Nguyên  |                     | 4.98           |                     |                    |        | 4.9800           | 23                               | 20                               | 21                               | 1.5   |         |
| 50  | Đinh Thị Thủy           |                     | 4.98           |                     |                    |        | 4.9800           | 23                               | 20                               | 21                               | 1.5   |         |
| 51  | Ngô Hoàng Minh Thảo     | TT                  | 4.98           | 0.25                |                    |        | 5.2300           | 23                               | 20                               | 21                               | 1.5   |         |
| 52  | Vũ Hồng Tú              |                     | 4.98           |                     |                    |        | 4.9800           | 23                               | 20                               | 21                               | 1.5   | TH      |
| 53  | Trần Thị Thu Trang      |                     | 4.65           |                     |                    |        | 4.6500           | 23                               | 20                               | 21                               | 1.5   |         |
| 54  | Nguyễn Thị Bích Thủy    |                     | 4.98           |                     |                    |        | 4.9800           | 23                               | 20                               | 21                               | 1.5   | TH      |
| 55  | Nguyễn Đức Thịnh        |                     | 4.65           |                     |                    |        | 4.6500           | 23                               | 20                               | 21                               | 1.5   |         |
| 56  | Nguyễn Thị Bảo Xuyên    |                     | 4.65           |                     |                    |        | 4.6500           | 23                               | 20                               | 21                               | 1.5   |         |
| 57  | Nguyễn An Hồ Quỳnh Giao | TP                  | 4.65           | 0.15                |                    |        | 4.8000           | 23                               | 20                               | 21                               | 1.5   |         |
| 58  | Trương Thị Ngọc Diễm    |                     | 4.65           |                     |                    |        | 4.6500           | 23                               | 20                               | 21                               | 1.5   |         |
| 59  | Dương Thanh Thảo        |                     | 4.65           |                     |                    |        | 4.6500           | 23                               | 20                               | 21                               | 1.5   |         |
| 60  | Đặng Thị Thanh Vân      |                     | 4.65           |                     |                    |        | 4.6500           | 23                               | 20                               | 21                               | 1.5   | TH      |
| 61  | Phạm Thị Thanh Nga      | TP                  | 4.65           | 0.15                |                    |        | 4.8000           | 23                               | 20                               | 21                               | 1.5   | TH      |
| 62  | Trần Hỷ Quyên           |                     | 4.32           |                     |                    |        | 4.3200           | 23                               | 20                               | 21                               | 1.5   |         |

Nghị 12/02 Đi tái khám định kỳ

| STT | Họ và tên               | Cấp bậc, chức vụ | Lương hệ số |                  |                    |               | Số ngày làm việc T1( 23 ngày) | Số ngày làm việc T2( 20 ngày) | Số ngày làm việc T3( 21 ngày) | Hệ số | Ghi chú |       |                                |
|-----|-------------------------|------------------|-------------|------------------|--------------------|---------------|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|-------|---------|-------|--------------------------------|
|     |                         |                  | Hệ số lương | Hệ số PC chức vụ | Hệ số phụ cấp khác | Tổng HS lương |                               |                               |                               |       |         |       |                                |
|     |                         |                  |             |                  | TNVK               |               |                               |                               |                               |       |         |       |                                |
| 63  | Nguyễn Thủy Ly          |                  | 4.65        |                  |                    |               | 4.6500                        | 22                            | 20                            | 21    | 1.5     | TH    | nghỉ 18/1                      |
| 64  | Nguyễn Minh Quyền       |                  | 4.32        |                  |                    |               | 4.3200                        | 23                            | 20                            | 21    | 1.5     |       |                                |
| 65  | Trần Thị Ngọc Châu      |                  | 4.32        |                  |                    |               | 4.3200                        | 23                            | 20                            | 21    | 1.5     |       |                                |
| 66  | Lê Thị Sinh             |                  | 4.32        |                  |                    |               | 4.3200                        | 23                            | 20                            | 21    | 1.5     |       |                                |
| 67  | Đặng Phương An          |                  | 4.34        |                  |                    |               | 4.3400                        | 23                            | 20                            | 21    | 1.5     |       |                                |
| 68  | Nguyễn Thị Mỹ           | TT               | 4.32        | 0.25             |                    |               | 4.5700                        | 23                            | 20                            | 21    | 1.5     |       | Nghỉ 14/2                      |
| 69  | Trần Văn Chiến          |                  | 4.32        |                  |                    |               | 4.3200                        | 23                            | 19                            | 21    | 1.5     |       |                                |
| 70  | Trương Thị Ái           |                  | 3.99        |                  |                    |               | 3.9900                        | 23                            | 20                            | 21    | 1.5     |       |                                |
| 71  | Nguyễn Kỳ Anh           |                  | 3.99        |                  |                    |               | 3.9900                        | 23                            | 20                            | 21    | 1.5     |       |                                |
| 72  | Trịnh Hải Yến           |                  | 3.99        | 0                |                    |               | 3.9900                        | 23                            | 20                            | 21    | 1.5     |       |                                |
| 73  | Phan Phú Hải            | TP               | 4.32        | 0.15             |                    |               | 4.4700                        | 23                            | 20                            | 21    | 1.5     | TH    | NL T3                          |
| 74  | Huỳnh Thị Ngọc Yến      |                  | 4.32        |                  |                    |               | 4.3200                        | 23                            | 20                            |       | 1.5     | NL T3 |                                |
| 74  | Huỳnh Thị Ngọc Yến      |                  | 4.32        |                  |                    |               | 4.3200                        |                               |                               | 21    | 1.5     | NL T3 |                                |
| 75  | Nguyễn Thị Thà          |                  | 3.99        |                  |                    |               | 3.9900                        | 23                            | 20                            | 21    | 1.5     |       |                                |
| 76  | Phan Quỳnh Ngọc Hà      |                  | 3.99        |                  |                    |               | 3.9900                        | 23                            | 20                            | 21    | 1.5     |       |                                |
| 77  | Nguyễn Thị Thảo Nguyên  |                  | 3.99        |                  |                    |               | 3.9900                        | 23                            | 20                            | 21    | 1.5     |       | Nghỉ 10/1 về quê               |
| 78  | Đặng Thị Trần Nga       |                  | 3.99        |                  |                    |               | 3.9900                        | 23                            | 20                            | 21    | 1.5     |       |                                |
| 79  | Hà Quốc Hưng            |                  | 3.99        |                  |                    |               | 3.9900                        | 23                            | 20                            | 21    | 1.5     |       |                                |
| 80  | Trương Lâm Viên         |                  | 3.99        |                  |                    |               | 3.9900                        | 22                            | 20                            | 21    | 1.5     |       |                                |
| 81  | Phạm Quốc Vương         |                  | 3.99        |                  |                    |               | 3.9900                        | 23                            | 20                            | 21    | 1.5     |       |                                |
| 82  | Trương Đình Nhân        | TP               | 3.99        | 0.15             |                    |               | 4.1400                        | 23                            | 20                            | 21    | 1.5     |       | NL T3                          |
| 83  | Hà Thị Kim Anh          |                  | 3.99        |                  |                    |               | 3.9900                        | 23                            | 20                            | 21    | 1.5     |       |                                |
| 84  | Nguyễn Thị Thuận        |                  | 3.99        |                  |                    |               | 3.9900                        | 23                            | 20                            | 21    | 1.5     |       |                                |
| 85  | Lê Thị Hồng Thủy        |                  | 3.99        |                  |                    |               | 3.9900                        | 23                            | 20                            | 21    | 1.5     |       |                                |
| 86  | Hoàng Thị Tâm           | TP               | 3.99        | 0.15             |                    |               | 4.1400                        | 23                            | 19                            | 21    | 1.5     |       |                                |
| 87  | Lê Thị Mỹ Lệ            |                  | 3.99        |                  |                    |               | 3.9900                        | 23                            | 20                            | 21    | 1.5     |       | Nghỉ 21/02 Đưa ba đi khám bệnh |
| 88  | Võ Thị Xuân Hồng Yến    |                  | 3.99        |                  |                    |               | 3.9900                        | 23                            | 20                            | 21    | 1.5     |       |                                |
| 89  | Phạm Thị Thanh Tâm      | TP               | 4.00        | 0.15             |                    |               | 4.1500                        | 23                            | 20                            | 21    | 1.5     |       |                                |
| 90  | Phạm Văn Giang          |                  | 3.99        |                  |                    |               | 3.9900                        | 23                            | 20                            | 21    | 1.5     |       |                                |
| 91  | Trịnh Thị Nhung         |                  | 3.99        |                  |                    |               | 3.9900                        | 23                            | 20                            | 21    | 1.5     | TH    |                                |
| 92  | Phan Thị Thanh Mai      |                  | 3.99        |                  |                    |               | 3.9900                        | 23                            | 19                            | 21    | 1.5     |       | Nghỉ 17/2                      |
| 93  | Nguyễn Ngọc Uyên Phương |                  | 3.99        |                  |                    |               | 3.9900                        | 23                            | 20                            | 21    | 1.5     |       |                                |
| 94  | Nguyễn Thị Huyền        |                  | 3.99        |                  |                    |               | 3.9900                        | 23                            | 20                            | 21    | 1.5     |       |                                |
| 95  | Võ Công Hoan            |                  | 3.99        |                  |                    |               | 3.9900                        | 23                            | 20                            | 21    | 1.5     |       |                                |
| 96  | Nguyễn Thanh Nam        |                  | 3.99        |                  |                    |               | 3.9900                        | 23                            | 20                            | 21    | 1.5     |       |                                |
| 97  | Phạm Ánh Nguyệt         |                  | 3.99        |                  |                    |               | 3.9900                        | 23                            | 20                            | 21    | 1.5     |       | Nghỉ 14/01 bị bệnh             |
| 98  | Nguyễn Văn Vĩnh Hào     |                  | 3.99        |                  |                    |               | 3.9900                        | 22                            | 20                            | 21    | 1.5     |       |                                |
| 99  | Nguyễn Thị Minh Linh    |                  | 3.99        |                  |                    |               | 3.9900                        | 23                            | 20                            | 21    | 1.5     | TH    |                                |
| 100 | Trần Thị Thanh Vân      |                  | 3.66        |                  |                    |               | 3.6600                        | 23                            | 20                            | 21    | 1.5     |       |                                |

| STT | Họ và tên            | Cấp bậc, chức vụ | Lương hệ số |                  |                    |  | Số ngày làm việc T1( 23 ngày) | Số ngày làm việc T2( 20 ngày) | Số ngày làm việc T3( 21 ngày) | Hệ số | Ghi chú |               |
|-----|----------------------|------------------|-------------|------------------|--------------------|--|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|-------|---------|---------------|
|     |                      |                  | Hệ số lương | Hệ số PC chức vụ | Hệ số phụ cấp khác |  |                               |                               |                               |       |         | Tổng HS lương |
|     |                      |                  |             |                  | TNVK               |  |                               |                               |                               |       |         |               |
| 101 | Hoàng Lê Hạnh        |                  | 3.99        |                  |                    |  | 3.9900                        | 23                            | 20                            | 21    | 1.2     | TH            |
| 102 | Nguyễn Trung Kiên    |                  | 3.99        |                  |                    |  | 3.9900                        | 23                            | 20                            | 21    | 1.5     | TH            |
| 103 | Nguyễn Thị Ngọc Lê   |                  | 3.66        |                  |                    |  | 3.6600                        | 23                            | 20                            | 21    | 1.5     |               |
| 104 | Vũ Thị Mỹ            |                  | 3.66        |                  |                    |  | 3.6600                        | 23                            | 20                            | 21    | 1.5     |               |
| 105 | Bùi Gia Sang         |                  | 3.99        |                  |                    |  | 3.9900                        | 23                            | 20                            | 21    | 1.5     | TH            |
| 106 | Lê Thị Duyên         |                  | 3.99        |                  |                    |  | 3.9900                        | 23                            | 20                            | 21    | 1.5     | TH            |
| 107 | Trần Thị Lý          |                  | 3.66        |                  |                    |  | 3.6600                        | 23                            | 20                            | 21    | 1.5     |               |
| 108 | Hoàng Thị Hòa        |                  | 3.66        |                  |                    |  | 3.6600                        | 23                            | 20                            | 21    | 1.5     |               |
| 109 | Nguyễn Thanh Việt    |                  | 3.66        |                  |                    |  | 3.6600                        | 23                            | 20                            | 21    | 1.5     |               |
| 110 | Bùi Thị Ngọc         | TT               | 3.66        | 0.25             |                    |  | 3.9100                        | 23                            | 19                            | 21    | 1.5     |               |
| 111 | Trần Văn Thuật       | TT               | 3.66        | 0.25             |                    |  | 3.9100                        | 23                            | 20                            | 21    | 1.5     |               |
| 112 | Nguyễn Thu Hà        |                  | 3.33        |                  |                    |  | 3.3300                        | 23                            | 20                            | 21    | 1.5     |               |
| 113 | Vũ Thị Dung          | TT               | 3.33        | 0.25             |                    |  | 3.5800                        | 23                            | 20                            | 20    | 1.5     |               |
| 114 | Chu Thị Kim Hương    |                  | 3.33        |                  |                    |  | 3.3300                        | 23                            | 20                            | 21    | 1.5     |               |
| 115 | Quách Thị Thanh Thủy | TT               | 4.98        | 0.25             |                    |  | 5.2300                        | 23                            | 18                            | 21    | 1.5     |               |
| 116 | Đặng Thị Hằng        |                  | 4.32        |                  |                    |  | 4.3200                        | 22                            | 20                            | 21    | 1.5     |               |
| 117 | Đoàn Thế Ngân        |                  | 4.32        |                  |                    |  | 4.3200                        | 23                            | 20                            | 21    | 1.5     |               |
| 118 | Đỗ Thị Ngọc Vân      |                  | 3.86        |                  |                    |  | 3.8600                        | 23                            | 20                            | 21    | 1.5     |               |
| 119 | Văn Quốc Dũng        | TP               | 3.46        | 0.15             |                    |  | 3.6100                        | 23                            | 20                            | 21    | 1.5     |               |
| 120 | Võ Hoàng Luân        |                  | 3.99        |                  |                    |  | 3.9900                        | 23                            | 20                            | 21    | 1.5     | TH            |
| 121 | Phan Võ Bảo Yến      |                  | 3.66        |                  |                    |  | 3.6600                        | 23                            | 20                            | 21    | 1.2     |               |
| 122 | Thiều Thị Trúc Uyên  | TP               | 3.33        | 0.15             |                    |  | 3.4800                        | 23                            | 20                            | 21    | 1.5     |               |
| 123 | Võ Như Thùy          |                  | 3.66        |                  |                    |  | 3.6600                        | 23                            | 20                            | 21    | 1.5     |               |
| 124 | Mai Xuân Thùy        |                  | 3.33        |                  |                    |  | 3.3300                        | 23                            | 20                            | 21    | 1.5     |               |
| 125 | Lê Minh Trí          |                  | 4.65        |                  |                    |  | 4.6500                        | 23                            | 20                            | 21    | 1.5     |               |
| 126 | Đỗ Đặng Quỳnh Phương |                  | 3           |                  |                    |  | 3.0000                        | 23                            | 20                            | 21    | 1.5     |               |
| 127 | Trần Thị Thanh Loan  |                  | 3.33        |                  |                    |  | 3.3300                        |                               |                               |       | 1.5     | TS T10        |
| 128 | Nguyễn Thanh Tuấn    |                  | 3.33        |                  |                    |  | 3.3300                        | 23                            | 20                            | 21    | 1.5     |               |
| 129 | Lê Trí Phương Duy    |                  | 2.67        |                  |                    |  | 2.6700                        | 23                            | 20                            | 21    | 1.5     |               |
| 130 | Nguyễn Việt Hùng     |                  | 3.33        |                  |                    |  | 3.3300                        | 23                            | 20                            |       | 1.5     | NL T3         |
| 130 | Nguyễn Việt Hùng     |                  | 3.33        |                  |                    |  | 3.3300                        |                               |                               | 21    | 1.5     | NL T3         |
| 131 | Dương Văn Hiệp       |                  | 2.67        |                  |                    |  | 2.6700                        | 23                            | 20                            | 21    | 1.5     |               |
| 132 | Nguyễn Thu Huyền     |                  | 2.67        |                  |                    |  | 2.6700                        | 23                            | 20                            | 21    | 1.5     |               |
| 133 | Vũ Đình Tâm          |                  | 3.0000      |                  |                    |  | 3.0000                        | 23                            | 20                            | 21    | 1.5     |               |
| 134 | Trần Thị Châu Phoa   |                  | 3.990       |                  |                    |  | 3.9900                        | 23                            | 20                            | 21    | 1.5     |               |